

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2022

*“V/v tranh chấp về hôn nhân gia
đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài
sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vững

2. Bà Huỳnh Thị Kim Thơ

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 18 tháng 3 và ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 355/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021, về việc *“Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: **Huỳnh Tấn T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, Đồng Tháp.

Bị đơn: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện T, Đồng Tháp.

(Anh T có mặt tại phiên tòa, chị H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Huỳnh Tấn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012, vợ chồng anh quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên vợ chồng anh tiến tới hôn nhân và chung sống vợ chồng với nhau. Vợ chồng anh có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 05/3/2012. Khi thật sự bước vào

đời sống chung của vợ chồng, vợ chồng anh mới biết là không hợp tính tình nhau, từ đó xảy ra những việc bất hòa, mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau trong việc sinh hoạt, làm ăn trong gia đình, từ đó vợ chồng không có được hạnh phúc. Anh và chị H đã sống ly thân từ năm cuối năm 2012 cho đến nay, chị H đã về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột ở ấp 1, xã Láng Biển, huyện Tháp Mười. Trong thời gian ly thân, anh và chị H không có quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống của ai người ấy lo. Nay anh thấy rằng cuộc sống hôn nhân không đạt được mục đích, vợ chồng không thể hòa hợp được với nhau, nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

- Về quan hệ nuôi con: Trong quá trình chung sống anh và chị H không có con chung.

- Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ anh và chị H thì anh xin chịu trách nhiệm cùng với chị H. Ngoài ra, anh không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị H mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

* *Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao).

+ Trích lục kết hôn (bản sao).

+ Đơn xin xác nhận (bản chính).

- Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Không.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 25 tháng 02 năm 2022.

* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Không.

* *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh T về việc yêu cầu được ly hôn với chị H. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp 1, xã Láng Biển, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

- Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tòa án thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa là bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu, Hội thẩm nhân dân là bà Nguyễn Thị Thúy An và ông Lê Văn Vững. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do bà Diệu, bà An bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng bà Phạm Thị Thi là Thẩm phán dự khuyết và bà Huỳnh Thị Kim Thơ là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H tự nguyện yêu thương nhau, sau thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/3/2012. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì anh T và chị H có nhiều mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì anh T trình bày là vợ chồng không hợp tính tình nhau, từ đó xảy ra những việc bất hòa, thường xuyên cự cãi nhau trong việc sinh hoạt, làm ăn trong gia đình, từ đó vợ chồng không có được hạnh phúc. Anh T và chị H đã sống ly thân từ cuối năm 2012 cho đến nay, chị H đã về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột ở ấp 1, xã Láng Biền, huyện Tháp Mười. Trong thời gian ly thân, anh và chị H không có quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống của ai người ấy lo.

Xét thấy, anh T và chị H trong thời gian chung sống do không hợp tính tình, nên vợ chồng thường xuyên bất hòa và cự cãi nhau. Anh T và chị H đã ly thân nhau từ cuối năm 2012 đến nay, trong thời gian ly thân thì hai bên không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm gì, từ đó cho đến nay cuộc sống của ai thì người đó lo, không ai chăm sóc cho ai là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Đồng thời, chị H mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì, điều này cho thấy chị H không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa sơ thẩm thì anh T cương quyết xin ly hôn với chị H. Do đó, có đủ cơ sở xác định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét

xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về quan hệ nuôi con: Anh T và chị H không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị H thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên có phát sinh tranh chấp về quan hệ tài sản thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Về quan hệ nợ: Anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị H thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên hoặc người thứ ba có phát sinh tranh chấp về quan hệ nợ thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[6] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì anh T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tấn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Tấn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về quan hệ nuôi con: Không có.

3. Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có.

5. Về án phí:

Anh Huỳnh Tấn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

mà anh T đã nộp theo biên lai số 0001785, ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa T thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Hòa Tân, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án: (K. Ngọc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Thọ – Lê Văn Vững

Nguyễn Minh Phường

